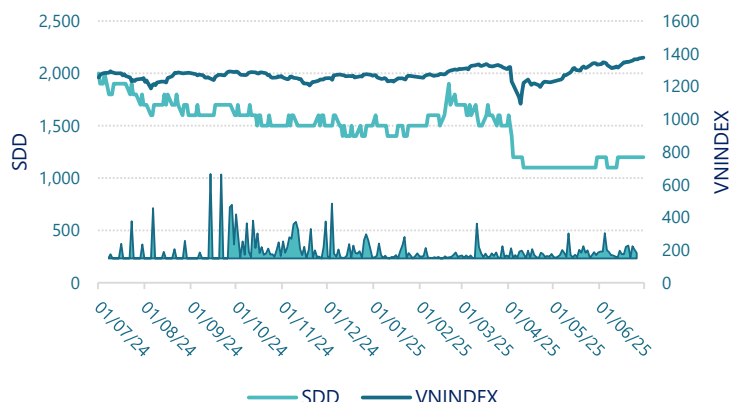


CTCP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (UPCOM: SDD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,100
SL cổ phiếu LH	16,007,334
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,240
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19
P/E	-1.8
EPS	-683

DT thuần

Q2/25

2.13

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.02 | 91.7%

YoY: ▼ 0.40 | -15.9%

LN sau thuế

Q2/25

-2.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.70 | 41.5%

YoY: ▲ 5.56 | 69.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-32.1%

+/- YoY: ▲ 214%

DT thuần

6T 2025

3.24

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.56 | -32.6%

LN sau thuế

6T 2025

-6.50

tỷ VNĐ

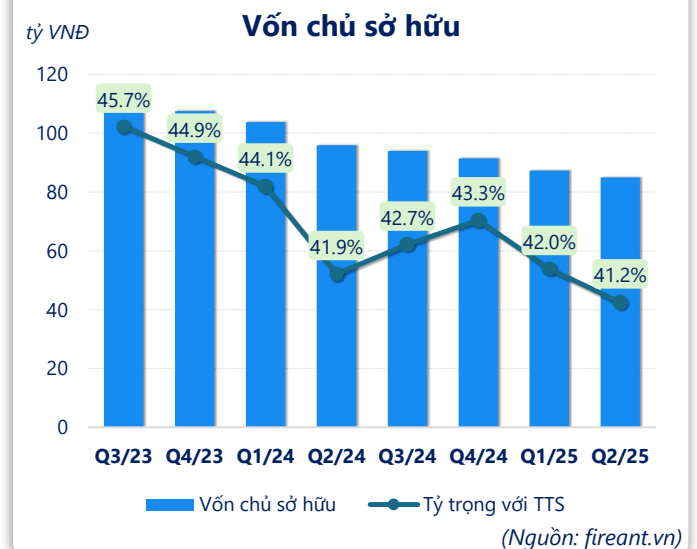
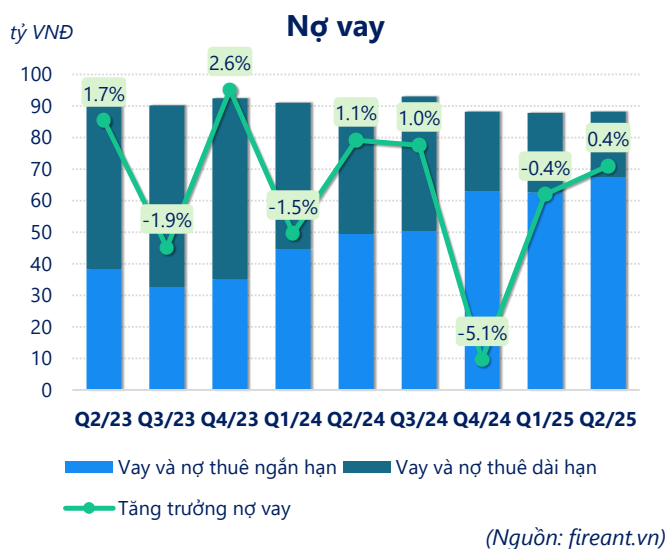
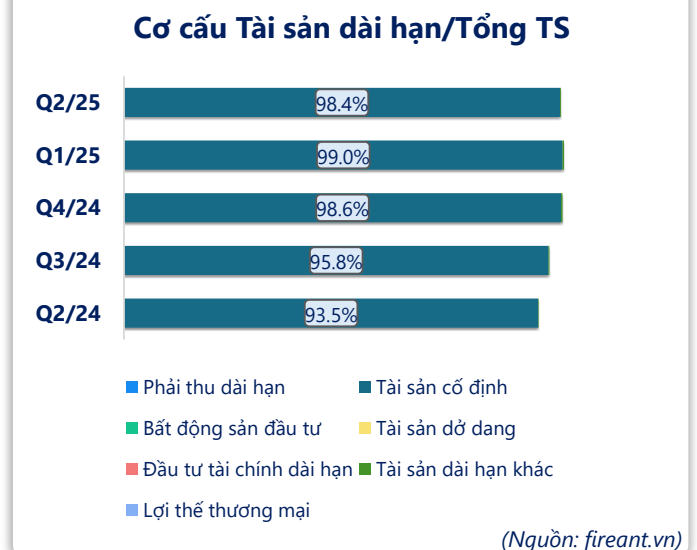
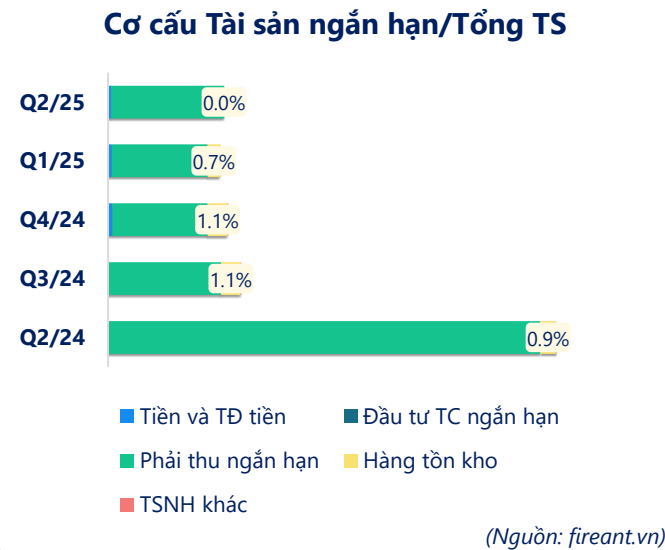
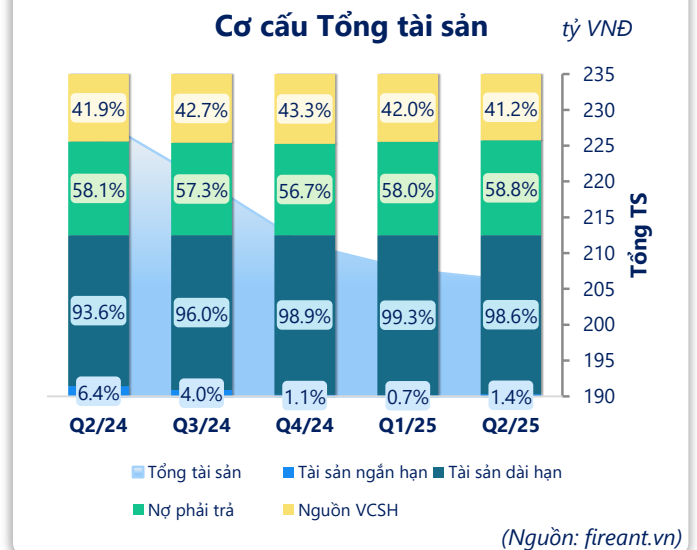
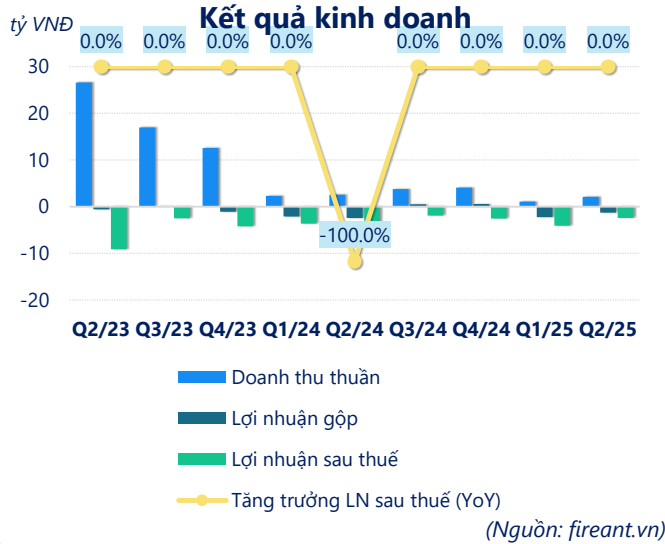
YoY: ▲ 5.10 | 44.0%

ROE

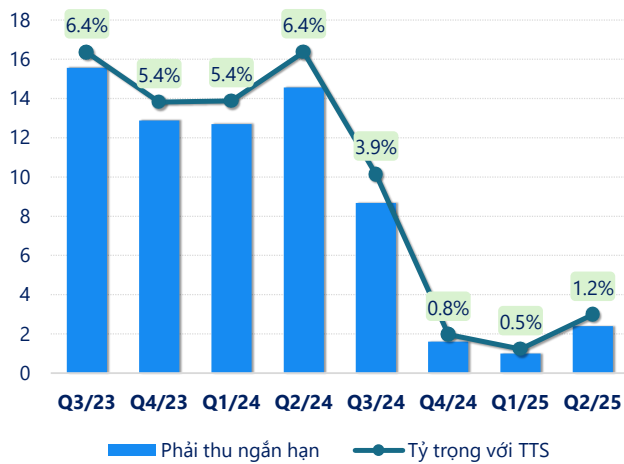
Q2/25

-12.1%

+/- YoY: ▲ 5.3%

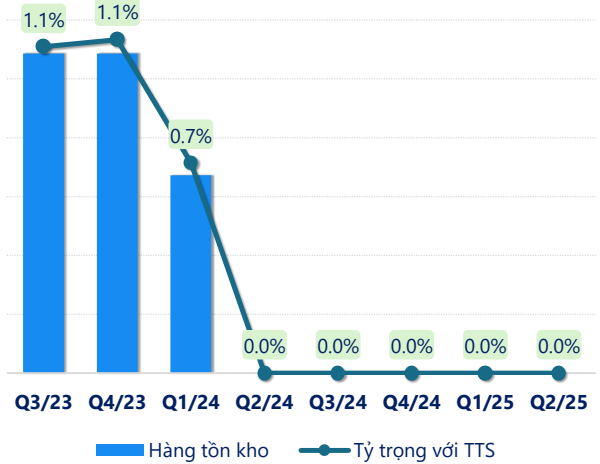


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


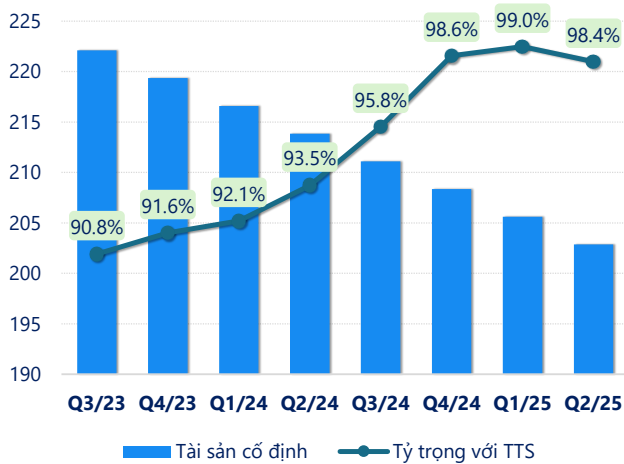
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


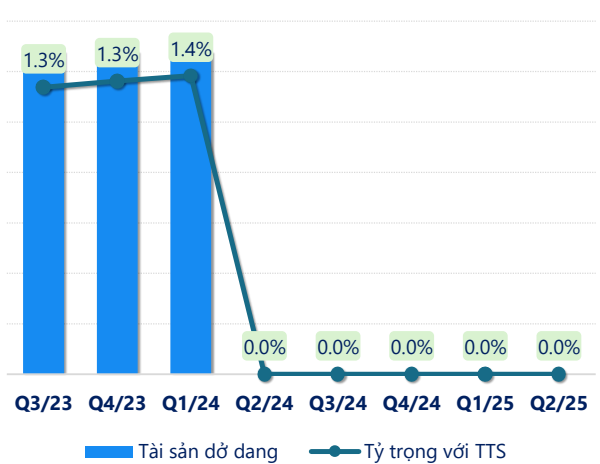
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

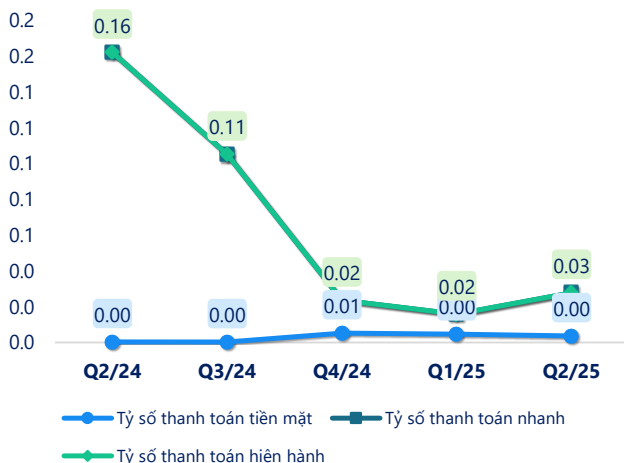
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

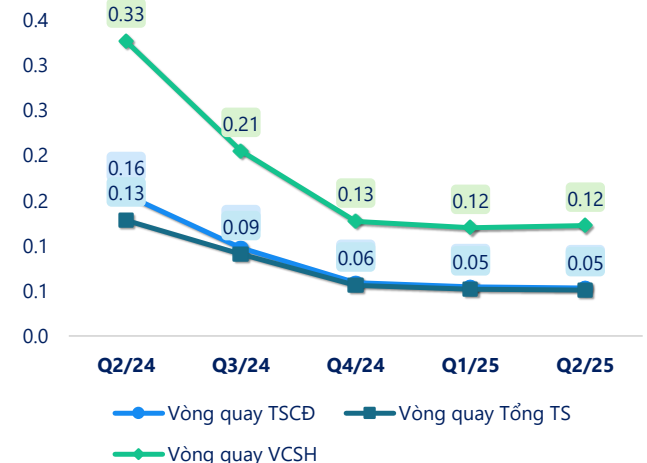
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	229	220	211	208	206
Tài sản ngắn hạn	14.6	8.80	2.23	1.51	2.80
Tiền và tương đương tiền	0.03	0.02	0.50	0.44	0.36
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	14.6	8.68	1.61	0.99	2.39
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.10	0.12	0.08	0.04
Tài sản dài hạn	214	212	209	206	203
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	214	211	208	206	203
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.27	0.41	0.66	0.58	0.51
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	133	126	120	120	121
Nợ ngắn hạn	90.3	83.7	94.6	95.2	101
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.5	50.4	63.0	62.6	67.4
Phải trả người bán ngắn hạn	23.3	13.0	11.9	11.6	10.5
Nợ dài hạn	42.6	42.6	25.2	25.2	20.7
Vay và nợ thuê dài hạn	42.6	42.6	25.2	25.2	20.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	95.9	94.0	91.4	87.3	84.9
Vốn chủ sở hữu	95.9	94.0	91.4	87.3	84.9
Vốn điều lệ	160	160	160	160	160
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)